

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 13-3-2024
V/v kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Hoàng Đức Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về Kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà K sinh năm 1947. Địa chỉ: Số nhà 03 ngõ 02 đường 25/10, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Bà T sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông M sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà K trình bày:

Năm 1993 bà T có vay của bà K số tiền là 1.000.000 đồng, khi vay không có viết giấy vay tiền, lãi suất là 15% 01 năm và hẹn mấy tháng sau trong năm 1993 thì

sẽ phải trả cho bà. Bà T đã nhận đủ số tiền vay 1.000.000 đồng. Ngày 14/6/2007 bà T cùng chồng là ông M ký giấy biên nhận vay tiền xác nhận đã vay số tiền nợ gốc là 1.000.000 đồng. Trong thời gian vay bà T cùng chồng là ông M đã trả cho bà số tiền lãi là 600.000 đồng. Bà đã gặp và đòi nhiều lần nhưng không trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 1.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ năm 1993 đến nay là 4.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả cho bà là 5.000.000 đồng.

Trong bản tự khai ngày 15 tháng 11 năm 2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M (chồng bà T) cùng thống nhất trình bày:

Năm 1993 ông M có vay của bà K số tiền là 1.000.000 đồng, khi vay không có viết giấy vay tiền, lãi suất là 50.000 đồng 01 tháng và hẹn trong năm 1993 thì sẽ phải trả cho bà K. Vay tiền về để sử dụng chung cho gia đình và bà T biết việc này. Trong thời gian vay bà T cùng chồng là ông M đã trả cho bà K số tiền lãi là 600.000 đồng. Năm 2007 có ký vào giấy còn nợ tiền lãi còn lại. Bà T cùng chồng là ông M đã trả 1.000.000 đồng tiền gốc đã vay cho bà K, khi trả không có ai khác chứng kiến và không viết giấy tờ. Đến nay bà T cùng chồng là ông M khẳng định không còn nợ bà K số tiền 1.000.000 đồng đã vay năm 1993. Bà T, ông M không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K và yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn bà T, ông M phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 1.000.000 đồng. Về án phí bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Vợ chồng bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền là 1.000.000 đồng vào năm 1993 và hẹn trả trong năm 1993. Vợ chồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 600.000 đồng. Năm 2007 có xác nhận lại nợ và từ năm 2007 đến nay không có tài liệu nào xác định có việc xác thực lại nợ.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Vợ chồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 1.000.000 đồng vay vào năm 1993 hay chưa?.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị giải quyết vắng mặt; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ là 1.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ năm 1993 đến nay là 4.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 5.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là năm 1993 và ngày 14/6/2007 bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ký giấy biên nhận vay tiền giúp. Do đó, thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm là thời điểm bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm nghĩa vụ của bên vay là ngày 14/6/2007 nên cần áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án là 03 năm kể từ ngày 14/6/2007. Ngày 21/8/2023, nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng đã hết. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Kiện đòi tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền vay gốc 1.000.000 đồng đã vay năm 1993 và theo Giấy biên nhận vay tiền giúp ngày 14/6/2007. Vợ chồng bị đơn bà T, ông M biết đây là khoản nợ chung và vay về để phục vụ cuộc sống gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày đã trả hết gốc cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ nào chứng minh về việc trả nợ gốc 1.000.000 đồng. Nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn bà T, ông M phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay năm 1993 và theo giấy biên nhận vay tiền giúp ngày 14/6/2007 là 1.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền nợ lãi là 4.000.000 đồng từ năm 1993 đến nay. Bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, không chấp nhận trả lãi. Xác định thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm là thời điểm bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm nghĩa vụ của bên vay là ngày 14/6/2007 nên cần áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án là 03 năm kể từ ngày 14/6/2007. Do đó, căn cứ

Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét đối với khoản tiền lãi.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu được chấp nhận và thuộc đối tượng miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273, Điều 184, Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều các điều 155, 166, 429, 688 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP; Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà K: Buộc bà T và ông M phải trả cho bà K số tiền nợ vay năm 1993 và theo giấy biên nhận vay tiền giúp ngày 14/6/2007 là 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà T và ông M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Hiếu

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu

